

BẢNG THÔNG BÁO GIÁ QUÝ 1, QUÝ 2 NĂM 2023

Kính Gửi : Sở Xây dựng Thanh Hóa.
Sở Tài Chính Thanh Hoá.
UBND Thị Xã Bim Sơn.

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BİM SƠN	
CÔNG SỐ:	5837
VĂN NGÀY:	23/6
ĐẾN CHUYỂN:	

Căn cứ quyết định số 18/2023/QDD_UBND ngày 11/05/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN ĐTC

Địa chỉ cung cấp VLXD: Khu 12 Bắc Sơn, Bim Sơn, Thanh Hóa

Địa chỉ đơn vị : SN 29, Tổ 8 Khu 3 Nam Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

BẢNG KÊ KHAI GIÁ BÁN VLXD THÔNG THƯỜNG

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên vật tư/ Quy cách	ĐVT	Mức giá	Ghi chú
1	Đất san lấp	M3	35.000	
2	Đất san lấp K92	M3	44.545	
3	Đất san lấp	M3	36.363	

Đơn giá trên được áp dụng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Đơn giá bán tại mỏ trên phương tiện của bên mua, đã bao gồm phí thuế tài nguyên, không bao gồm thuế GTGT.

Công ty Cam kết bán đúng giá đã thông báo nêu trên, nếu có biến động về giá, công ty sẽ có thông báo bằng văn bản cụ thể đến các Đơn vị.

Bim Sơn, ngày 19 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN ĐTC

GIÁM ĐỐC
Trương Thị Diệu

Bim Sơn, ngày 16 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

I. Khái quát chung

1. Đơn vị khai thác mỏ : Công ty TNHH MTV Khai thác KT ĐTC
 - Địa Chỉ : Nam Trần Phú , Phường Ba Đình – TX. Bim Sơn – Thanh Hóa.
 - Điện thoại : 0902.668.678
2. Quyết định thành lập doanh nghiệp,
 - Mã số doanh nghiệp : 2802310271
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
3. Giấy phép khai thác khoáng sản: số 372/GP-UBND, ngày cấp: 06/10/2016, của UBND tỉnh Thanh Hóa ;
 - Thông tin về khu vực khai thác :
 - +Tên mỏ: Công ty TNHH MTV khai thác Khoáng sản ĐTC
 - + Loại khoáng sản : Đất san lấp và tận thu đất sét giàu silic làm phụ gia xi măng.
 - +Địa điểm : Khu 12 Phương Bắc Sơn – TX . Bim Sơn – Thanh Hóa.
 - +Diện tích khu vực khai thác : 12.000m².
 - +Mức sâu khai thác : Đến Cos +40.5m
 - +Công suất khai thác : 15.000m³/năm
 - +Trữ lượng khai thác : 147.447m³
 - +Thời hạn khai thác : 10 năm 6 tháng

II. Kết quả thực hiện

2. Về lĩnh vực khai thác, tận thu khoáng sản:

- Quyết định khai thác khoáng sản và tận thu của UBND tỉnh
- Kết quả hoạt động khai thác, tận thu :
 - + Khối lượng đã tận thu tính đến thời điểm kiểm tra : 45.495.53 m³
 - + Khối lượng còn lại : 101.951.47 m³
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật về khoáng sản năm 2021.
 - Phát hiện khoáng sản mới trong quá trình khai thác (nếu có): tên, khối lượng, chất lượng; văn bản báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản: số, ngày ban hành văn bản.
 - Các nghĩa vụ tài chính đã thực hiện đối với Nhà nước:
 - +Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; 364.283.460 đ
 - +Thuế tài nguyên : 168.396.863 đ
 - +Tiền thuê đất : 21.708.000 đ
 - + Phí bảo vệ môi trường : 107.275.526 đ
 - + Phí nước thải : 20.000.000đ
 - +Tổng số tiền phải nộp :858.491.201đ
 - +Số tiền đã nộp;720.820.782đ

2. Về lĩnh vực đất đai

Quyết định thuê đất số : 2925/QĐ-UBND ngày 05/08/2016

Hợp đồng thuê đất số 327 ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Về lĩnh vực môi trường:

- Quyết định phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường;
- Đề án bảo vệ môi trường :

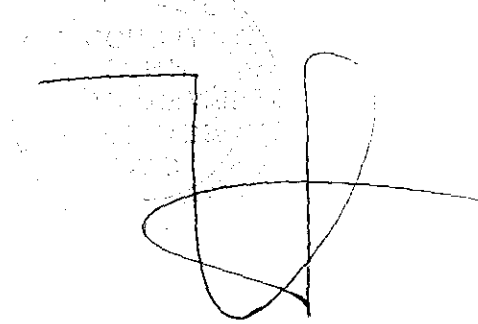
IV. Đề xuất, kiến nghị

Kiến nghị của đơn vị khai thác đối với cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có).

CÔNG TY TNHH MTV
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN ĐTC

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trương Việt Dũng

Biểu 3.4

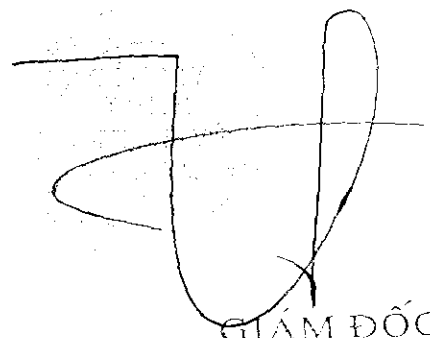
PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CƠ CẤU HÌNH THÀNH GIÁ BÁN ĐẤT SAN LẤP

<p align="center">Giá bán = giá thành toàn bộ sản phẩm+ Lợi nhuận dự kiến+ thuế bán (Được lập trn cơ sở hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC của bộ tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; và căn cứ tình hình thực tế)</p>				
STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Chi phí (tính trên 1m3 đất)	Ghi chú
A	Giá thành toàn bộ sản phẩm:	vnđ	41,775	
1	Chi phí trực tiếp	vnđ	4,515	
	Chi phí cấp quyền khai thác	vnđ	2,315	
	Chi phí đền bù GPMB	vnđ	500	
	Chi phí đầu tư xây dựng	vnđ	500	
	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và khai thác	vnđ	200	
	Chi phí xây dựng (Hạng mục công trình)	vnđ	400	
	Chi phí đào bóc hữu cơ, phong hóa (đối với khai thác)	vnđ	300	
	Chi phí đánh giá tác động môi trường	vnđ	300	
2	Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	vnđ	700	
3	Các chi phí khác	vnđ	36,560	
	Chi phí hút cát (bằng tàu hút)	vnđ		
	Chi phí đào đất lên phương tiện	vnđ	15,000	
	Phí bảo vệ môi trường	vnđ	2,200	
	Thuế Tài nguyên	vnđ	3,430	
	Chi phí thuê đất, thuê mặt nước	vnđ	1,500	
	Chi phí cấp phép hoạt động khoáng sản	vnđ	110	
	Chi phí chuyển đổi mục đích đất rừng	vnđ	120	
	Chi phí bán hàng	vnđ	5,000	
	Chi phí quản lý	vnđ	5,000	
	Chi phí khác	vnđ	4,000	
	Chi phí tài chính- vốn vay	vnđ	200	
B	Lợi nhuận dự kiến	vnđ	2,770	
C	Thuế VAT	vnđ	277	

Lưu ý:

- Đơn giá được phân bổ cho 01m3;
- Biểu này được lập để tham khảo, các Doanh nghiệp có thể bổ sung thêm chi phí sản xuất, kinh doanh nếu còn thiếu để đảm bảo tính đúng, tính đủ cho phương án giá;
- Doanh nghiệp có thể làm rõ cụ thể hơn cho từng chi phí.

CÔNG TY TNHH MTV
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN ĐTC



GIÁM ĐỐC
Trương Chiết Dũng